

Bản án số: 134/2021/HS-ST
Ngày 26-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Lập

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Tú

Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 507/2021/HSST-QĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1983 tại Hải Dương; nơi cư trú: A, phường A1, quận A2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị N1; có chồng Hoàng Huy H1 và 02 con (con bé sinh ngày 20 tháng 10 năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến nay. Có mặt.

2. **Đào Thị D**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1990 tại Thái Bình; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã B1, huyện B2, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số C, phường C1, quận C2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Th và bà Phạm Thị N; có chồng là Phạm Văn Q và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 10 năm 2020 đến nay. Có mặt.

3. **Nguyễn Thị D1**, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1988 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: thôn E, xã E1, huyện E2, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số F, xã F1, huyện F2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Th1; có chồng là Phạm Văn Q1 và có 02 con (con bé sinh ngày 09 tháng 7 năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 10 năm 2020 đến nay. Có mặt.

4. **Trần Thị Tr**, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1986 tại Nam Định; nơi ĐKHKTT: Số G, phường C1, quận C2, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số H, phường C1, quận C2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D2 và bà Phạm Thị T; có chồng là Trần Văn Kh và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 10 năm 2020 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11 năm 2010 đến tháng 8 năm 2020, Nguyễn Thị H đã thuê một số đối tượng không xác định được nhân thân, lai lịch làm các thủ tục thành lập 08 Công ty để thực hiện hành vi bán trái phép các hóa đơn GTGT, cụ thể:

- Công ty TNHH thương mại vật tư kim khí Huy Hoàng, MSDN: 0201130111, địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại: Số 398 Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận A2, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc là Hoàng Huy H1, sinh năm 1983, trú tại: GH45, khu Hồ Đá, phường A1, quận A2, thành phố Hải Phòng.

- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vật tư kim khí Hoàng Phát, MSDN: 0201819286, địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh ban đầu tại GH 45, khu Hồ Đá, phường A1, quận A2, thành phố Hải Phòng (nhà H). Tháng 6 năm 2018, Công ty thay đổi địa chỉ đăng ký trụ sở tại: Số 590 Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận A2, thành phố Hải Phòng do chính Nguyễn Thị H đứng tên giám đốc.

- Công ty TNHH dịch vụ Đại Kim, MSDN: 0201861224, địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại thôn Chung Mỹ, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nhà ông Vũ Văn Việt). Người đứng tên giám đốc là Trần Viết Tú, sinh năm 1991, trú tại: Tổ 23, cụm 4, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Công ty TNHH phát triển dịch vụ Hoàng Huy, MSDN: 0201861344, địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại thôn Mảnh Bàu, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nhà ông Nguyễn Văn Cường). Người đứng tên

giám đốc là Lê Thị Mai Thu, sinh năm 1976, trú tại: Số 9 T80, phường Thượng Lý, quận A2, thành phố Hải Phòng.

- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vật tư Mạnh Phát; MSDN: 0201985734, địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 398 đường 5/3, phường Hùng Vương, quận A2, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc là Trần Văn Mạnh, sinh năm 1987, trú tại: Xóm 7 Đồn Bồi, xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Công ty TNHH vật tư thương mại và dịch vụ Bình Minh, MSDN: 0201983141; địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 3/40 Nguyễn Hồng Quân, phường Thượng Lý, quận A2, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc là Trần Văn Nam, sinh năm 1991, trú tại: Số 21B/32 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận A2, thành phố Hải Phòng.

- Công ty TNHH dịch vụ Hưng Phát Đạt, MSDN: 0201863528, địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại xóm Trại (nhà bà Nguyễn Thị Loan), xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc là Nguyễn Trung Thành, trú tại: Số 12/37/346 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Công ty TNHH phát triển dịch vụ Trường Phát, MSDN: 0201863454 có trụ sở đăng ký kinh doanh tại thôn 5 (nhà bà Đào Thị Thủy), xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Người đứng tên giám đốc là Phạm Thị Hồng Nhung, sinh năm 1988, trú tại: Số 4/9/17/32/143 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tại 08 Công ty trên, mặc dù không có mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thực tế nhưng thông qua những người môi giới (không xác định được nhân thân, lai lịch), Nguyễn Thị H đã bán trái phép tổng số 3.885 số hóa đơn GTGT, ghi không tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.178.950.775.259 đồng, cụ thể: Bán 2.134 số hóa đơn GTGT của Công ty Huy Hoàng; bán 1.298 số hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng Phát; bán 149 số hóa đơn GTGT của Công ty Đại Kim; bán 287 số hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng Huy; bán 10 số hóa đơn GTGT của Công ty Mạnh Phát; bán 05 số hóa đơn GTGT của Công ty Bình Minh; bán 01 số hóa đơn GTGT của Công ty Hưng Phát Đạt và 01 số hóa đơn GTGT của Công ty Trường Phát. H khai tại Công ty Hoàng Phát, H bán với giá 1,4%/1 tỉ đồng, các Công ty còn lại H bán với giá 1,6%/1 tỉ đồng tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn GTGT, thu được tổng số tiền là 17.736.194.946 đồng.

Để hợp thức hóa đơn đầu vào cho 08 Công ty trên, Nguyễn Thị H đã mua trái phép 787 số hóa đơn GTGT của các đối tượng (không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 1,23% đối với Công ty Huy Hoàng và 1,2% với các Công ty còn lại với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên các hóa đơn GTGT là 1.177.821.784.505 đồng, hết số tiền là 14.303.457.841 đồng.

Ngoài ra, H còn sử dụng các số hóa đơn GTGT của các Công ty: Hoàng Phát, Đại Kim, Hoàng Huy, Mạnh Phát, Bình Minh, Hưng Phát Đạt, Trường Phát để kê khai sử dụng đầu ra và hợp thức hóa đầu vào cho nhau nhằm cân đối doanh thu của các Công ty này. Cụ thể: Công ty Hoàng Phát sử dụng 250 số hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng Huy, 130 số hóa đơn GTGT của Công ty Đại Kim, 16 số hóa đơn GTGT của Công ty Mạnh Phát, 07 số hóa đơn GTGT của Công ty Bình Minh với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 198.391.003.138 đồng để kê khai đầu vào; Công ty Đại Kim kê khai xuất bán 130 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 90 tỉ đồng cho Công ty Hoàng Phát, sử dụng 110 số hóa đơn GTGT của Công ty Hưng Phát Đạt, 70 số hóa đơn GTGT của Công ty Trường Phát với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 220.340.364.520 đồng để kê khai đầu vào; Công ty Hoàng Huy kê khai xuất bán 250 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 100 tỉ đồng cho Công ty Hoàng Phát, sử dụng 130 số hóa đơn GTGT của Công ty Hưng Phát Đạt, 124 số hóa đơn GTGT của Công ty Trường Phát với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 310 tỉ đồng để kê khai đầu vào; Công ty Mạnh Phát kê khai xuất bán 16 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 4.717.673.111 đồng làm đầu vào cho Công ty Hoàng Phát, sử dụng 04 số hóa đơn GTGT của Công ty Trường Phát với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 5.444.390.401 đồng để kê khai đầu vào; Công ty Bình Minh kê khai xuất bán 07 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 3.673.330.027 đồng cho Công ty Hoàng Phát, sử dụng 02 số hóa đơn GTGT của Công ty Trường Phát với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 4.467.963.670 đồng để kê khai đầu vào; Công ty Hưng Phát Đạt kê khai xuất bán 130 số hóa đơn GTGT cho Công ty Hoàng Huy, 110 hóa đơn GTGT cho công ty Đại Kim với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 272.191.286.769 đồng để các Công ty này kê khai đầu vào; Công ty Trường Phát kê khai xuất bán 124 số hóa đơn GTGT cho Công ty Hoàng Huy, 70 số hóa đơn GTGT cho Công ty Đại Kim, 02 số hóa đơn GTGT cho Công ty Bình Minh, 04 số hóa đơn GTGT cho Công ty Mạnh Phát với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không, chưa thuế là 268.561.431.822 đồng để các Công ty này kê khai đầu vào.

Quá trình thực hiện mua bán trái phép hóa đơn GTGT ở 08 Công ty trên, H thuê nhiều kế toán giúp việc cho H, giúp H viết khống hóa đơn GTGT, làm báo cáo thuế, chuyển rút tiền ngân hàng. Ban đầu, H thuê các đối tượng Ngọc, Liên, Hường (hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ) để làm kế toán cho Công ty Huy Hoàng. Sau khi Công ty Huy Hoàng dừng hoạt động, H thuê các đối tượng Nguyễn Thị D1, Đào Thị D và Trần Thị Tr làm các công việc kế toán cho các Công ty còn lại. Tổng cộng, H trả lương cho các kế toán là 445.000.000 đồng.

Để tiến hành các thủ tục thành lập Công ty và thể hiện các Công ty trên hoạt động kinh doanh bình thường, H đã chi tiền thuê dịch vụ thành lập 08 Công ty trên

là 510 triệu đồng, tiền thuê văn phòng làm trụ sở và in (mua) hóa đơn GTGT là 403.436.000 đồng, tiền nộp các loại thuế là 1.313.470.044 đồng.

Như vậy, với số tiền thu được từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT là 17.736.194.946 đồng, sau khi trừ đi số tiền mua hóa đơn GTGT đầu vào là 14.303.457.841 đồng, tiền thuế đã nộp là 1.313.470.044 đồng và các chi phí khác như đã nêu trên là 1.358.436.000 đồng, H thu lợi bất chính được số tiền là 760.831.061 đồng.

Để giúp sức cho việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT nêu trên, Nguyễn Thị H thuê Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 làm kế toán với nhiệm vụ là viết hóa đơn, chuyển rút tiền ngân hàng, giao gửi hóa đơn cho khách, tổng hợp số liệu và làm báo cáo thuế cho các Công ty do H thành lập để thực hiện việc mua bán hóa đơn GTGT. Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 biết rõ các Công ty mình làm kế toán không có bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh nào mà chỉ bán hóa đơn GTGT nhưng vẫn giúp sức cho H, cụ thể như sau:

Đào Thị D làm kế toán từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 9 năm 2020 ở các Công ty Hoàng Huy, Đại Kim, Bình Minh, Mạnh Phát, Hoàng Phát. Tổng cộng D đã viết 609 số hóa đơn GTGT tương ứng với số tiền hàng hóa dịch vụ ghi khống, chưa thuế là 362.650.315.216 đồng ở các Công ty trên để H bán trái phép; kê khai xuất 280 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống khoảng 185.000.000.000 đồng cho Công ty Hoàng Phát để giúp sức cho H thực hiện việc bán hóa đơn GTGT ở Công ty này. Như vậy, tổng cộng D đã giúp sức cho H bán trái phép 889 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống là 547.650.315.216 đồng. Quá trình giúp sức cho H thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, D được H trả 03 triệu đồng/tháng, tổng cộng D đã được H trả lương là 80 triệu đồng.

Trần Thị Tr làm kế toán, giữ bộ dấu, toàn bộ hóa đơn GTGT cũng như chịu trách nhiệm về hoạt động ở Công ty Trường Phát và Công ty Hưng Phát Đạt cho H từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 9 năm 2020. Quá trình làm cho H, Tr đã kê khai sử dụng toàn bộ số hóa đơn GTGT ở hai Công ty trên làm đầu vào cho Công ty Hoàng Huy, Công ty Đại Kim để giúp sức cho H xuất bán 436 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống là 354.514.249.224 đồng. Ngoài ra, Tr còn trực tiếp viết 02 số hóa đơn GTGT ở Công ty Trường Phát và Hưng Phát Đạt với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống là 2 tỉ đồng để H xuất bán cho các đối tượng khác. Như vậy, tổng cộng Tr đã giúp sức cho H bán trái phép 438 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi khống là 356.514.249.224 đồng. Quá trình giúp sức cho H thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, Tr được H trả 03 triệu đồng/tháng, tổng cộng Tr đã được H trả lương là 81 triệu đồng. Ngoài việc giúp sức cho H mua bán hóa đơn trái phép và được trả lương như trên, Tr còn làm kế toán cho công ty TNHH Cát Thành từ 01 tháng 7 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2020, được trả lương 4.400.000 đồng/tháng, Công ty này không thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

Nguyễn Thị D1 làm kế toán cho H từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 6 năm 2020 ở Công ty Hoàng Phát. Tại Công ty này, ngoài việc làm báo cáo thuế và chuyển rút tiền, D1 đã giúp H bán trái phép 769 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không khoảng 149 tỉ đồng. D1 được H trả lương 04 triệu đồng/tháng, tổng cộng D1 đã được H trả lương là 68 triệu đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên.

Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành xác minh:

- Đối với những người là giám đốc các Công ty nêu trên: Hoàng Huy H1 (chồng của H) đứng tên giám đốc công ty Huy Hoàng khai khi được H bàn bạc thành lập Công ty để kinh doanh, H không nói với Hùng thành lập Công ty để mua bán trái phép hóa đơn GTGT, do công việc phải đi làm xa nên Hùng không biết và không tham gia vào hoạt động của Công ty Huy Hoàng; Trần Viết Tú đứng tên giám đốc công ty Đại Kim khai bị mất chứng minh nhân dân vào năm 2017, Trần Văn Mạnh đứng tên giám đốc Công ty Mạnh Phát khai khoảng tháng 6 năm 2019, Mạnh có đưa chứng minh nhân dân cho người tên Đạt để xin việc, cả Tú và Mạnh đều không biết gì về việc đứng tên làm giám đốc của hai Công ty này, không quen biết và không tham gia vào việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT với Nguyễn Thị H. Các giám đốc còn lại hiện vắng mặt tại địa phương chưa ghi được lời khai.

- Xác minh tại địa phương và ghi lời khai chủ sở hữu văn phòng tại địa chỉ số 590 Hùng Vương, quận A2, thành phố Hải Phòng, là trụ sở hoạt động của Công ty Hoàng Phát, do bà Lê Thị Thanh Hằng đại diện theo pháp luật của Công ty Gold River khai: H thuê mặt bằng của bà Hằng từ ngày 22 tháng 5 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020 làm kho bãi với giá 12 triệu đồng/tháng, tổng cộng bà Hằng đã nhận được 372 triệu đồng tiền thuê mặt bằng của Công ty Hoàng Phát. Khi cho thuê mặt bằng, bà Hằng không biết H sử dụng mặt bằng trên làm văn phòng để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

- Xác minh được 87 Công ty kê khai sử dụng hóa đơn GTGT của 08 Công ty trên. Trong đó 60 Công ty trình bày có mua hàng hóa, dịch vụ và được bên bán cung cấp hóa đơn, chứng từ kèm theo; 01 Công ty khai không có giao dịch mua bán với các Công ty này; 26 Công ty chưa lấy được lời khai của giám đốc do không hoạt động tại nơi đăng ký trụ sở, văn phòng.

- Xác minh và xác định được 35 Công ty đầu vào của các Công ty trên. Trong đó 09 Công ty giám đốc vắng mặt tại địa phương, không có hoặc không xác định được Công ty tại địa chỉ đăng ký hoạt động; 02 giám đốc trình bày được thuê đứng tên giám đốc nhưng không biết gì về hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Nguyễn Thị H sử dụng gần như hoàn toàn hóa đơn GTGT của Công ty Trường Phát, Công ty Hưng Phát Đạt để kê khai làm đầu vào cho các công ty Hoàng Huy, Đại Kim, Bình Minh, Mạnh Phát; sử dụng phần lớn hóa đơn GTGT của các công

ty Hoàng Huy, Đại Kim, Bình Minh, Mạnh Phát để kê khai làm đầu vào cho Công ty Hoàng Phát.

- Quá trình điều tra còn xác định được H còn thành lập 03 Công ty: Công ty TNHH thương mại vật tư Vạn Phúc; Công ty TNHH phát triển dịch vụ Phú An; Công ty TNHH phát triển dịch vụ và thương mại Dũng Cường để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Các Công ty này mở tài khoản ngân hàng, mở tờ khai thuế và xin thông báo phát hành hóa đơn nhưng do thủ tục không đầy đủ nên Công ty chưa đi vào hoạt động. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, tại các Công ty này chưa đặt in hóa đơn, chưa phát sinh báo cáo thuế nên không điều tra, xử lý hành vi của H đối với các Công ty này.

- Ngoài ra, đầu năm 2018, H làm thủ tục thành lập và đứng tên giám đốc Công ty TNHH thương mại xây dựng và dịch vụ vật tư kim khí Hoàng Phát, MSDN: 0201873886, địa chỉ tại thôn 7 Cầu Đen, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nhưng Công ty chưa phát sinh giao dịch. Đến tháng 8 năm 2020, H đưa giấy tờ, con dấu Công ty cho anh rể của chồng là Nguyễn Ngọc Cẩm và đổi tên thành Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vật tư Đại Hưng, giám đốc là Nguyễn Ngọc Cẩm. Cơ quan điều tra đã xác minh Công ty Đại Hưng chưa phát sinh số liệu báo cáo thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn. Nguyễn Ngọc Cẩm vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai nên không điều tra, xử lý hành vi của H đối với Công ty này.

Vật chứng thu giữ: 06 dấu tròn của các công ty Hoàng Phát (02); Huy Hoàng; Dũng Cường, Phú An, Vạn Phúc; 06 dấu chức danh giám đốc tên: Nguyễn Thị H (02), Hoàng Huy H1, Nguyễn Thị H Thắm; Nguyễn Văn Dũng (02); 01 dấu vuông công ty Đại Hưng; 03 USB Token; 02 dấu tên Nguyễn Thị D1, Đoàn Thị Hương; 01 máy tính xách tay HP màu xám trắng; 01 CASE máy tính để bàn nhãn hiệu HP. Toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKSHP-P1 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị can Nguyễn Thị H về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị can Đào Thị D, Nguyễn Thị D1 về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị can Trần Thị Tr về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Ngoài ra, các bị cáo còn khai do hám lời, muốn có thêm thu nhập vì thấy việc mua bán trái phép hóa đơn dễ dàng nên đã thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị

cáo đều có nghề nghiệp và thu nhập, không lấy lợi nhuận từ việc mua bán trái phép hóa đơn làm nguồn sống chính của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng rút truy tố tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Nguyễn Thị D1 vì không chứng minh được các bị cáo lấy việc mua bán trái phép hóa đơn làm nguồn sống chính của mình; giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về các nội dung khác của bản Cáo trạng, khẳng định việc truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đào Thị D, Nguyễn Thị D1, Trần Thị Tr về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Đào Thị D từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D1 từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Trần Thị Tr từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 17.736.194.946 đồng; bị cáo Đào Thị D phải nộp lại số tiền 80.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Tr phải nộp lại số tiền 81.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị D1 phải nộp lại số tiền 68.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 máy tính xách tay HP màu xám trắng; 01 CASE máy tính để bàn nhãn hiệu HP; tịch thu, tiêu hủy: 06 dấu tròn của các công ty Hoàng Phát (02); Huy

Hoàng; Dũng Cường, Phú An, Vạn Phúc; 06 dấu chức danh giám đốc tên: Nguyễn Thị H (02), Hoàng Huy H1, Nguyễn Thị H Thắm; Nguyễn Văn Dũng (02); 01 dấu vuông công ty Đại Hưng; 03 USB Token; 02 dấu tên Nguyễn Thị D1, Đoàn Thị Hương.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Nguyễn Thị D1, Trần Thị Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết quả xác minh của Cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định:

[3] Từ tháng 11 năm 2010 đến tháng 9 năm 2020, Nguyễn Thị H đã mua trái phép 787 số hóa đơn GTGT với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn là 1.177.821.784.505 đồng; bán trái phép 3.885 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn là 1.178.950.775.259 đồng tại các Công ty Huy Hoàng, Hoàng Phát, Hoàng Huy, Đại Kim, Bình Minh, Mạnh Phát, Trường Phát, Hưng Phát Đạt. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 9 năm 2020, Đào Thị D đã giúp sức cho Nguyễn Thị H bán trái phép 889 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 547.650.315.216 đồng; từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 9 năm

2020, Trần Thị Tr đã giúp sức cho Nguyễn Thị H hợp thức hóa đầu vào để H thực hiện việc bán trái phép 438 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không là 356.514.249.224 đồng; từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 6 năm 2020, Nguyễn Thị D1 đã giúp sức cho Nguyễn Thị H bán trái phép 769 số hóa đơn GTGT ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là khoảng 149 tỉ đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đã đồng phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước. Chính vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm tương tự xảy ra.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[6] Bị cáo Nguyễn Thị H đã bán trái phép 3.885 số hóa đơn GTGT, mua trái phép 787 số hóa đơn GTGT và thu lợi bất chính số tiền 760.831.061 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị H bị xét xử với các tình tiết khung hình phạt “*Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên; Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Các bị cáo Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đều có hành vi giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị H thực hiện việc bán hoá đơn GTGT trái phép, trong đó bị cáo Đào Thị D đã giúp sức cho Nguyễn Thị H bán trái phép 889 số hóa đơn GTGT, bị cáo Trần Thị Tr đã giúp sức cho Nguyễn Thị H bán trái phép 438 số hóa đơn GTGT, bị cáo Nguyễn Thị D1 đã giúp sức cho Nguyễn Thị H bán trái phép 769 số hóa đơn GTGT. Do đó, các bị cáo Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 bị xét xử với tình tiết khung hình phạt “*Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Trong vụ án này, tất cả các bị cáo đều không lấy tiền thu lợi từ việc bán hóa đơn GTGT trái phép làm nguồn sống chính nên các bị cáo không phải chịu tình tiết định khung hình phạt “*Có tính chất chuyên nghiệp*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã rút truy tố tình tiết định khung hình phạt “*Có tính chất chuyên nghiệp*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Nguyễn Thị D1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Về đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[9] Bị cáo Nguyễn Thị H là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ đạo toàn bộ hoạt động tội phạm, đồng thời là người thực hành tích cực, có vai trò cao nhất trong vụ án.

[10] Các bị cáo Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 có vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị H, giúp sức tích cực cho bị cáo H trong việc bán trái phép hóa đơn GTGT và được hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT trái phép. Do vậy, các bị cáo Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đều có vai trò thấp hơn bị cáo H, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về số lượng hóa đơn GTGT đã giúp bị cáo H bán trái phép và số tiền thu lợi bất chính do chính các bị cáo thực hiện.

- Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[11] Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 bán trái phép hóa đơn trong một thời gian dài và nhiều lần nên các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[12] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thị D1 khi phạm tội là phụ nữ có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị H có bố được tặng Huy chương chiến sĩ giải phóng và Bằng khen trong phong trào thanh niên xung phong; các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trước khi xét xử, các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[13] Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đều phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính của mình; bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thị D1 hiện đang nuôi con nhỏ; hành vi phạm tội của các bị cáo Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 có mức độ; tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo đều có đơn đề nghị xin được áp dụng phạt tiền là hình phạt chính và đã tự nguyện nộp tiền đảm bảo thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, đều có ý thức sửa chữa sai lầm, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, có thể áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

- *Xử lý tiền thu lợi bất chính và vật chứng (Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự):*

[14] Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo.

[15] Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng bao gồm: 01 máy tính xách tay HP màu xám trắng; 01 CASE máy tính để bàn nhãn hiệu HP.

[16] Tịch thu, tiêu hủy đối với các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng bao gồm: 06 dấu tròn của các công ty Hoàng Phát (02); Huy Hoàng; Dũng Cường, Phú An, Vạn Phúc; 06 dấu chức danh giám đốc tên: Nguyễn Thị H (02), Hoàng Huy H1, Nguyễn Thị H Thắm; Nguyễn Văn Dũng (02); 01 dấu vuông công ty Đại Hưng; 03 USB Token; 02 dấu tên Nguyễn Thị D1, Đoàn Thị Hương.

- *Về án phí và quyền kháng cáo:*

[17] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 280.000.000 (*Hai trăm tám mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Trừ cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007095 ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 130.000.000 (*Một trăm ba mươi triệu*) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đào Thị D** 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Trừ cho bị cáo Đào Thị D số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007090 ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo Đào Thị D còn phải nộp tiếp số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo

Nguyễn Thị D1 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Trừ cho bị cáo Nguyễn Thị D1 số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007091 ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo Nguyễn Thị D1 còn phải nộp tiếp số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Tr 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Trừ cho bị cáo Trần Thị Tr số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007088 ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo Trần Thị Tr còn phải nộp tiếp số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng.

2. Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp là 760.831.061 (*Bảy trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi mốt*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007094 ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Đào Thị D đã nộp là 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007089 ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trần Thị Tr đã nộp là 81.000.000 (*Tám mươi mốt triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007087 ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Thị D1 đã nộp là 68.000.000 (*Sáu mươi tám triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007092 ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 máy tính xách tay HP màu xám trắng, seri S/N#5CD8073G55.

+ 01 Case máy tính để bàn nhãn hiệu HP, seri 2UA30804VT.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 dấu tròn Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Vật tư kim khí Hoàng Phát, MSDN: 0201873886.

+ 01 dấu tròn Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Phú An, MSDN: 0202037605.

+ 01 dấu tròn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vật tư kim khí Hoàng Phát, MSDN: 0201819286.

+ 01 dấu tròn Công ty TNHH Thương mại Vật tư Vạn Phúc. MSDN: 0202034869.

+ 01 dấu tròn Công ty TNHH Thương mại Vật tư kim khí Huy Hoàng, MSDN: 0201130111.

+ 01 dấu tròn Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ và Thương mại Dũng Cường, MSDN: 0202046695.

+ 06 dấu chức danh giám đốc tên: Hoàng Huy H1, Nguyễn Thị H Thắm, 02 dấu Nguyễn Văn Dũng, 02 dấu Nguyễn Thị H.

+ 01 dấu vuông Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vật tư Đại Hưng.

+ 02 dấu tên Đoàn Thị Hương, Nguyễn Thị D1.

+ 03 USB Token gồm: 01 USB màu đỏ ký hiệu LCS2007B00022646; 02 USB màu trắng ký hiệu 180301F01294H, 180301F01292H.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Thị D, Trần Thị Tr, Nguyễn Thị D1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

Lê Đức Lập